

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST

Ngày : 21 - 01 - 2022

V/v : “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Sơn
2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 331/2021/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 231/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Lệ T, sinh năm 1966 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 29/3Q ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Tuấn A, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: 29/3Q ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2021, bản tự khai ngày 05/5/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Lệ T trình bày:

Bà và ông Lê Tuấn A tự nguyện kết hôn năm 1989, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H năm 1989.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà riêng, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 5/2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là ông A có tình cảm với người phụ nữ khác, thường xuyên xúc phạm vợ, đe dọa vợ, vợ chồng không còn tình cảm. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 05/2020 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không

còn, cuộc hôn nhân của bà chỉ còn là hình thức nên bà có nguyện vọng được ly hôn với ông A.

- Về con chung: có 01 người con tên Lê Anh T, sinh năm 1994, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Phía nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: vì đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư ngụ tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo các qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông A tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 47 quyển số I do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/10/1989 thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông A là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà T: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông A. Bà T khai, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là ông A có tình cảm với người phụ nữ khác, thường xuyên xúc phạm, đe dọa vợ, vợ chồng không còn tình cảm. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 05/2020 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân của bà chỉ còn là hình thức nên bà có nguyện vọng được ly hôn với ông A.

Hội đồng xét thấy, từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ với nhau nhưng ông A vẫn cố tình tránh né không đến Tòa án, không trình bày ý kiến, yêu cầu của mình. Điều này chứng tỏ ông A không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn trở về sống chung với nhau và hai người đã không chung sống hơn 01 năm, một quãng thời gian dài mà hai bên không có biện pháp hàn gắn, mỗi người đã có cuộc sống riêng. Nhận thấy đời sống chung vợ chồng của bà T và ông A

đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông A có 01 người con tên Lê Anh T, sinh năm 1994, đã trưởng thành. Hội đồng không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, Hội đồng không xem xét trong vụ án này

Về nợ chung: Đương sự khai không có.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm về phần thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà Lê Thị Lệ T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Lệ T được ly hôn với ông Lê Tuấn A.

2. Về con chung: có 01 người con tên Lê Anh T, sinh năm 1994, đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Lệ T phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà bà T đã nộp theo biên lai số 0074854 ngày 13 tháng 4 năm 2021

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi Cục THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Phụng